

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Sông Hàn: Số 240 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Triệu K- Chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm soát rủi ro thuộc Chi nhánh Sông Hàn (*theo Giấy ủy quyền số 1071/2020/GUQ-PL ngày 23/4/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S; Giấy ủy quyền số 156/2020/GUQ-CNSH và Giấy ủy quyền số 159/2020/GUQ-*

CNSH ngày 23/4/2020 ngày 23/4/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Sông Hàn) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thành L - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Số 90 đường C, phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt không có lý do lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng S), bản tự khai đề ngày 07/9/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/8/2019, ông Võ Thành L có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Sông Hàn hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ vào thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng (hai lăm triệu đồng) với mục đích: Tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,6 %/tháng, lãi suất quá hạn là $150\% \times 2,6 = 3,9\%$. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với số tiền 24.186.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.670.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/3/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2020, ông Võ Thành L cam kết trả hàng tháng cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông L trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng S đã khởi kiện ông L.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ

thẻ: Buộc ông Võ Thành L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 33.942.775 đồng; trong đó: dư nợ: 27.162.871 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.779.904 đồng (tính đến ngày 30/9/2020) và ông L phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 thì nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn ông Võ Thành L trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/8/2019 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: Số 90 đường C, phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng S và ông Võ Thành L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Võ Thành L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền dư nợ và nợ lãi quá hạn:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 09/8/2019, giữa ông L và Ngân hàng S có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng để vay số tiền 25.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông L thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 33.942.775 đồng, trong đó: dư nợ: 27.162.871 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.779.904 đồng (tạm tính đến ngày 30/9/2020) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Bị đơn ông Võ Thành L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/8/2019 đã ký kết với Ngân hàng S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông L là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết 09/8/2019, trong Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 33.942.775 = 1.697.139$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Võ Thành L.

2. Buộc ông Võ Thành L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 33.942.775 đồng (Ba mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: dư nợ: 27.162.871 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.779.904 đồng (tạm tính đến ngày 30/9/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.697.139 đồng (một triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 731.157 đồng (bảy trăm ba mươi một nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0001222 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyên